

Bản án số: 72/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/4/2021  
*V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH T**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

\* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

\* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Dũng**

2. Ông **Trần Văn Nhu**

\* Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Liêu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T.

\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh T: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 691/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn**: Chị **Phan Thị P**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh T.

\* **Bị đơn**: Anh **Trần Hoàng P2**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh T.

*(Chị P có mặt; anh P2 vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phan Thị P trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P2 qua tìm hiểu nhau nên anh chị đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T vào năm 2006.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P2 thường hay ghen tuông vô cớ, chửi mắng hành hạ chị nhiều lần, chị cố nhịn nhục, chịu đựng nhiều năm để mong anh P2 khắc phục sửa chữa để vợ chồng sống hạnh phúc nuôi con nhưng chẳng những anh P2 không khắc phục mà ngày càng có nhiều hành động bạo hành với chị hơn.

Tuy chị và anh P2 còn sống chung nhà nhưng trên thực tế chị và anh P2 ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Dù anh P2 không đánh chị nhưng anh P2 tra tấn tinh thần chị. Chị đi đâu anh P2 cũng hỏi, kiểm soát không tin tưởng chị làm cho cuộc sống hôn nhân nặng nề. Anh P2 trình bày yêu thương chị và con nhưng chỉ là lời nói không bao giờ chăm lo cuộc sống vợ, con. Ngoài ra anh P2 còn thường xuyên cờ bạc. Chị xác định không còn tình cảm với anh P2 nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Thị Trúc P3, sinh ngày 21/8/2008 hiện nay con chung đang sống chung với anh chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh P2 cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***\* Theo tờ tự khai ngày 27 tháng 11 năm 2020, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Hoàng P2 trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung anh thống nhất với lời trình bày của chị P. Nhưng theo anh giữa anh và chị P không có mâu thuẫn do anh quá thương chị P nên hay ghen tuông, chị P đi đâu anh hay điện thoại hỏi nên chị P hay quạo. Anh chưa bao giờ đánh chị P và con. Anh và chị P đã ly thân 02 tháng nay. Khoảng 01 tháng nay thì chị P về nhà chị ruột của chị P ở. Anh đã đến nhà chị vợ năn nỉ nhưng chị P không tha thứ.

Nay chị P xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn.

Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý giao con chung là cháu Trần Thị Trúc P3, sinh ngày 21/8/2008 cho chị P nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và tự lao động được. Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị P xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh P2; Trường hợp Tòa án cho ly hôn: Về con chung chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Thị Trúc P3, sinh ngày 21/8/2008. Đồng thời đồng ý với mức

cấp dưỡng mà anh P2 nêu ra là 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: chị xác định tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

- Anh P2: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về tố tụng:** Chị Phan Thị P và anh Trần Hoàng P2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 04 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị P và anh P2 phát sinh mâu thuẫn, nên chị P xin ly hôn với anh P2. Anh P2 có hộ khẩu thường trú ở ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh T. Vì vậy tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý vụ án và đã tiến hành các thủ tục pháp lý triệu tập đương sự đến Tòa án để tự khai; tiến hành phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

- Anh Trần Hoàng P2 là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh đã vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P2 trong vụ án này.

### **[2] Về quan hệ hôn nhân:**

- Xét thấy quan hệ hôn nhân của chị P và anh P2 là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh T cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17, quyển số 01, ngày 28 tháng 4 năm 2006. Do quen biết chị P và anh P2 tiến đến hôn nhân. Sau khi cưới thì chị P và anh P2 sinh sống bên gia đình chồng. Đến năm 2015 anh, chị đã có nhà riêng. Từ khi xảy ra mâu thuẫn thì chị P dọn về nhà chị ruột sinh sống. Về con chung có 01 chung là cháu Trần Thị Trúc P3, sinh ngày 21/8/2008, hiện đang ở cùng chị P.

- Xét quá trình chung sống của chị P và anh P2:

+ Chị P trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P2 thường hay ghen tuông vô cớ, tra

tấn tinh thần chị. Chị đi đâu anh P2 cũng hỏi, kiểm soát không tin tưởng chị làm cho cuộc sống hôn nhân nặng nề. Tuy chị và anh P2 còn sống chung nhà nhưng trên thực tế chị và anh P2 ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Anh P2 trình bày yêu thương chị và con nhưng chỉ là lời nói không bao giờ chăm lo cuộc sống vợ, con. Ngoài ra anh P2 còn thường xuyên cờ bạc. Chị xác định không còn tình cảm với anh P2 nên yêu cầu xin ly hôn.

+ Tại phiên tòa anh P2 vắng mặt nhưng theo tờ tự khai ngày 27 tháng 11 năm 2020, anh P2 cho rằng giữa anh và chị P không có mâu thuẫn do anh quá thương chị P nên hay ghen tuông, chị P đi đâu anh hay điện thoại hỏi nên chị P hay quạo. Anh chưa bao giờ đánh chị P và con. Anh và chị P đã ly thân 02 tháng nay. Khoảng 01 tháng nay thì chị P về nhà chị ruột của chị P ở. Anh đã đến nhà chị vợ năn nỉ nhưng chị P không tha thứ.

Hội đồng xét xử xét thấy trong đời sống hôn nhân chị P và anh P2 đã xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ việc anh P2 không tin tưởng chị P nên kiểm soát và ghen tuông vô cớ. Dù chị P đi đâu, làm gì anh P2 cũng hoài nghi tạo áp lực nặng nề cho chị P. Chị P cũng đã tạo cơ hội cho anh P2 nhiều lần sửa chữa, thay đổi nhưng anh P2 không khắc phục được. Mặc dù chị P và anh P2 trình bày không thống nhất thời gian ly thân nhưng đến thời điểm hiện tại giữa chị P và anh P2 không khắc phục được mâu thuẫn của tình trạng hôn nhân. Tòa án đã hòa giải nhiều lần tạo điều kiện cho các bên dàn xếp mâu thuẫn gia đình nhưng không đạt kết quả. Tại phiên tòa chị P xác định không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung với anh P2 được nữa và kiên quyết xin ly hôn. Còn anh P2 cho rằng còn thương vợ, con có nguyện vọng đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được P3 hướng, giải pháp để 02 anh chị có thể hàn gắn đoàn tụ mà chỉ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh quá thương vợ, nhưng không hiểu được cảm nhận của chị P. Điều đó làm cho cuộc sống hôn nhân không còn tiếng nói chung, không còn sự cảm thông, tin tưởng lẫn nhau. Đồng thời, anh P2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn không tham dự phiên tòa để trình bày ý kiến và thể hiện nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa chị P và anh P2 đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị P là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[3] Về con chung:** Giữa chị P và anh P2 có 01 con chung là Trần Thị Trúc P3, sinh ngày 21/8/2008. Khi ly hôn chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại tờ tự khai ngày 27 tháng 11 năm 2020, anh P2 cũng có ý kiến trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh đồng ý tiếp tục giao con chung cho chị P nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị P và anh P2 ly thân do chị P nuôi dưỡng con chung. Theo tờ tự khai của cháu P3, thì cháu P3 có nguyện vọng được ở với chị P và anh P2 cũng đồng ý giao con chung cho chị P nuôi dưỡng nên cần giữ nguyên hiện trạng, tiếp tục giao cháu Trần Thị Trúc P3, sinh ngày 21/8/2008 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

**[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung:** Anh P2 có ý kiến trong trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và tự lao động được. Chị P cũng đồng ý với mức cấp dưỡng con chung 2.000.000 đồng/tháng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh P2.

Anh P2 có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

**[5] Về tài sản chung:** Chị P và anh P2 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

**[6] Về nợ chung:** Chị P và anh P2 xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

**[7] Về án phí:** Chị Phan Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Và anh Trần Hoàng P2 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117, 118 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

**1. Về hôn nhân:** Chấp nhận cho chị Phan Thị P được ly hôn với anh Trần Hoàng P2.

**2. Về con chung:** Tiếp tục giao con chung là cháu Trần Thị Trúc P3, sinh ngày 21/8/2008 cho chị Phan Thị P nuôi dưỡng.

### **3. Về mức cấp dưỡng nuôi con:**

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh P2 cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Trần Thị Trúc P3 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu P3 tròn 18 tuổi và lao động được, việc cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ tháng 05 năm 2021.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh P2 chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Trần Hoàng P2 được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

### **4. Về tài sản chung:** Không giải quyết do không có yêu cầu.

### **5. Về nợ chung:** Không có.

**6. Về án phí:** Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004318 ngày 05/11/2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C. Xem như chị P đã thi hành xong phần án phí. Anh Trần Hoàng P2 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

7. Chị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Anh P2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**8.** Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU**









**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU**

